



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

MÔN KINH TẾ QUỐC TẾ

Chương 2

LÝ THUYẾT VỀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (Phần 1: Các học thuyết cổ điển)

1

MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG

- Tìm lời giải cho 3 câu hỏi về TMQT:
 - Cơ sở 2 nền kinh tế (quốc gia, lãnh thổ) giao thương với nhau là gì?
 - Mô hình mẫu dịch của 2 quốc gia đó?
 - Lợi ích mà mỗi quốc gia thu được là bao nhiêu?

2

NỘI DUNG CHÍNH

- I. Chủ nghĩa trọng thương
- II. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith
- III. Lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo
- IV. Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler

3

I. Chủ nghĩa trọng thương (mercantilism)

- **Hoàn cảnh ra đời**
 - Hình thành ở Châu Âu vào cuối thế kỷ XV, đầu XVI và phát triển đến giữa thế kỷ XVIII
 - Các học giả tiêu biểu:
 - Pháp: Jean Bordin, Melon, Julliy, Colbert
 - Anh: Thomas Mun, James Stewart, Josias Child.

4

I. Chủ nghĩa trọng thương (mercantilism)

- **Những nội dung chính:**
 1. Đề cao tiền vàng, xem tiền vàng là thước đo của sự giàu có.
 2. Coi trọng hoạt động thương mại. Đặc biệt hoạt động ngoại thương.
 3. Lợi nhuận trong TM là kết quả của việc trao đổi không ngang giá, là sự lừa gạt.
 4. Nhà nước can thiệp sâu vào các hoạt động kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại thương.

5

I. Chủ nghĩa trọng thương (mercantilism)

- **Đánh giá, nhận xét:**
 - **Ưu điểm:**
 - Lần đầu tiên trong lịch sử, các hiện tượng kinh tế được giải thích bằng lý luận (trước đó là bằng tôn giáo, kinh nghiệm,...)
 - Xác định đúng tầm quan trọng của thương mại, đặc biệt thương mại quốc tế.
 - Nhận thức vai trò của nhà nước đối với hoạt động thương mại,...

6

I. Chủ nghĩa trọng thương (mercantilism)

■ Đánh giá, nhận xét:

■ Hạn chế:

- Quan niệm chưa đúng về nguồn gốc của sự giàu có,
- Quan niệm chưa đúng về lợi nhuận trong thương mại,
- Chưa nêu được bản chất của các hiện tượng kinh tế, đặc biệt là các hiện tượng trong thương mại quốc tế

7

II. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith (Absolute Advantage)



Adam Smith
(1723-1790)

- Là nhà kinh tế học cổ điển người Scotland, được xem là cha đẻ của kinh tế học.
- Có 13 năm làm GV dạy môn văn học, logic học và đạo đức.
- Năm 1763, ông ngưng dạy và đi du lịch.
- Tác phẩm nổi tiếng "*Nguyên nhân giàu có của các dân tộc*" (1776).

8

II. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith (Absolute Advantage)

■ Quan điểm của Adam Smith về TMQT:

- Nguồn gốc của sự giàu có không phải do ngoại thương mà là do sản xuất công nghiệp
 - TMQT tạo điều kiện cho phát triển kinh tế nhưng ...
 - Sự giàu có của một QG phụ thuộc vào sự sản có của hàng hóa, dịch vụ hơn là vàng
- TMQT dựa trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi và sự trao đổi phải là ngang giá.
- Cơ sở thương mại quốc tế là lợi thế tuyệt đối của các quốc gia.

9

II. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith (Absolute Advantage)

- **Khái niệm về lợi thế tuyệt đối:**
 - Lợi thế tuyệt đối (LTTĐ) là sự khác biệt tuyệt đối về **năng suất lao động, hao phí lao động** của QG này so với QG kia để sản xuất một sản phẩm X nào đó.

10

II. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith (Absolute Advantage)

- **Nội dung lý thuyết lợi thế tuyệt đối**
 - Nếu mỗi quốc gia chuyên môn hóa sản xuất một sản phẩm có lợi thế tuyệt đối (LTTĐ), xuất khẩu sản phẩm có LTTĐ và nhập khẩu sản phẩm không có LTTĐ thì tất cả các quốc gia đều có lợi.

11

II. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith (Absolute Advantage)

- **Ví dụ bằng mô hình**

Năng suất lao động	Mỹ	Anh
Lúa mì (kg/người-giờ)	6	1
Vải (mét/người-giờ)	4	5

12

II. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của A. Smith (**Absolute Advantage**)

- **Đánh giá, nhận xét (hạn chế):**
 - Chỉ căn cứ vào một yếu tố duy nhất để tính giá trị hàng hóa là NSLĐ
 - Lý thuyết chỉ giải thích được cho trường hợp mỗi QG có một sp có LTTĐ.

13

III. Lý thuyết lợi thế so sánh của D. Ricardo (**Comparative Advantage**)



David Ricardo
(1772 – 1823)

- Là nhà kinh tế học người Anh gốc Do Thái.
- Khởi đầu sự nghiệp bằng nghề môi giới chứng khoán và trở thành một trong những người giàu có của nước Anh.
- Ông bắt đầu nghiên cứu KHTN sau đó nghiên cứu về kinh tế (1807 – 1818)
- Tác phẩm nổi tiếng “**Những nguyên lý của KTCT và thuế**” (1817).

14

III. Lý thuyết lợi thế so sánh của D. Ricardo (**Comparative Advantage**)

- **Quan điểm của David Ricardo**
 - Mọi quốc gia đều có lợi khi tham gia vào thương mại quốc tế.
 - Cơ sở thương mại quốc tế là lợi thế so sánh của mỗi quốc gia chứ không phải là lợi thế tuyệt đối.

15

III. Lý thuyết lợi thế so sánh của D. Ricardo (**Comparative Advantage**)

■ Khái niệm về lợi thế so sánh

- Lợi thế so sánh là lợi thế tuyệt đối lớn hơn giữa 2 sản phẩm trong nước.
- Lợi thế tuyệt đối nhỏ hơn giữa 2 sản phẩm trong nước tức là không có lợi thế so sánh

(Khái niệm này phải được xem xét trong mối tương quan so sánh về năng suất lao động giữa 2 quốc gia về 2 sản phẩm nào đó)

16

III. Lý thuyết lợi thế so sánh của D. Ricardo (**Comparative Advantage**)

■ Giả thiết của mô hình:

- Thế giới chỉ có 2 quốc gia và 2 sản phẩm
- Mậu dịch tự do
- Lao động chỉ có thể dịch chuyển tự do trong phạm vi quốc gia nhưng không có khả năng dịch chuyển giữa các QG
- Chi phí sản xuất là cố định
- Chi phí vận chuyển bằng không
- Lý thuyết tính giá trị bằng lao động

17

III. Lý thuyết lợi thế so sánh của D. Ricardo (**Comparative Advantage**)

■ Nội dung lý thuyết:

- Nếu mỗi QG chuyên môn hóa sản xuất sản phẩm có LTSS, xuất khẩu sản phẩm có LTSS và nhập khẩu sản phẩm không có LTSS thì tất cả các quốc gia đều có lợi.

18

III. Lý thuyết lợi thế so sánh của D. Ricardo (**Comparative Advantage**)

■ Ví dụ:

Năng suất lao động	Mỹ	Anh
Lúa mì (kg/người-giờ)	6	1
Vải (mét/người-giờ)	4	2

19

IV. Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler (**Opportunity Cost**)



Gottfried Von Haberler
(1900-1995)

- Là nhà kinh tế học người Mỹ gốc Áo
- Là giáo sư kinh tế của Đại học Harvard

20

IV. Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler (**Opportunity Cost**)

- **Nhắc lại lý thuyết LTSS của D. Ricardo**
 - Lao động không phải là yếu tố duy nhất tạo ra SP, còn có vốn, kỹ thuật, đất đai,...
 - Lao động không phải là đồng nhất mà có sự khác biệt rất lớn về kinh nghiệm, trình độ tay nghề, NSLĐ
- ⇒ Lý thuyết tính giá trị bằng lao động mà D. Ricardo đã sử dụng để giải thích quy luật LTSS là không thực tế và cần phải bị bác bỏ
- ⇒ Năm 1936, Haberler đã tìm ra lý thuyết CPCH để giải thích quy luật LTSS

21

IV. Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler (**Opportunity Cost**)

- **Khái niệm về chi phí cơ hội:**
 - CPCH của một SP là số lượng của một SP khác mà QG phải hy sinh để có đủ tài nguyên làm tăng thêm một đơn vị SP thứ nhất

22

■ Ví dụ:

CPCH	Mỹ	Anh
Lúa mì (A)	6	1
Vải (B)	4	2

- CPCH để SX 1A của Mỹ là $2/3B$ và của Anh là $2B$
 => CPCH để SX 1A của Mỹ nhỏ hơn Anh ($2/3B < 2B$) nên **Mỹ có LTSS về SX A**
- CPCH để SX 1B của Mỹ là $3/2A$ và của Anh là $1/2A$
 => CPCH để SX 1B của Anh nhỏ hơn Mỹ ($1/2A < 3/2A$) nên **Anh có LTSS về SX B**

Giới hạn khả năng sản xuất của Mỹ và Anh

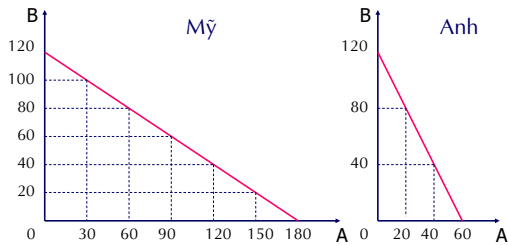
- Giả sử:
 - Mỹ: 180 triệu đơn vị A
 - Anh: 60 triệu đơn vị A

Mỹ		Anh	
A	B	A	B
180	0	60	0
150	20	50	20
120	40	40	40
90	60	30	60
60	80	20	80
30	100	10	100
0	120	0	120

Giới hạn khả năng sản xuất của Mỹ và Anh

■ Giả sử:

- Mỹ: 180 triệu đơn vị A
- Anh: 60 triệu đơn vị A



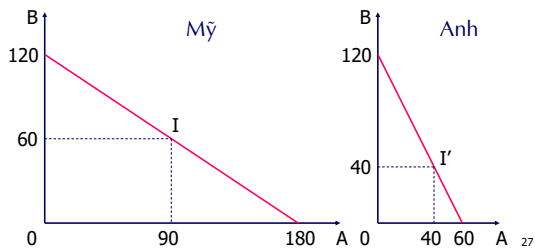
IV. Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler (Opportunity Cost)

- Phân tích lợi ích mật dịch với CPCH không đổi
 - Khi chưa có mật dịch:
 - QG chỉ có thể tiêu dùng những gì họ sản xuất được -> Giới hạn khả năng sản xuất cũng chính là giới hạn tiêu dùng của QG
 - Giả sử, điểm kết hợp SX và TD:
 - Mỹ: I(90A, 60B)
 - Anh: I'(40A, 40B)

26

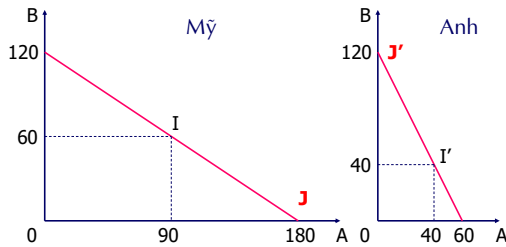
IV. Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler (Opportunity Cost)

- Khi mật dịch chưa xảy ra



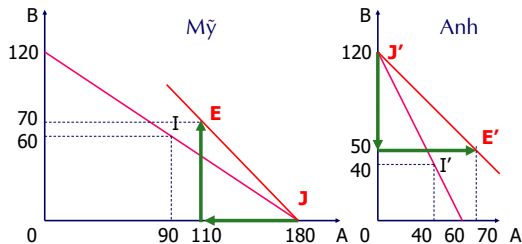
Khi mật dịch xảy ra

- Mỹ: $J(180A, 0B)$
- Anh $J'(0A, 120B)$



Trao đổi thương mại (70A:70B)

- Điểm tiêu dùng mới:
- Mỹ: $E(110A, 70B)$
- Anh $E'(70A, 50B)$



IV. Lý thuyết chi phí cơ hội của Haberler (Opportunity Cost)

- So sánh:
- E với I -> Mỹ lợi 20A và 10B
- E' với I' -> Anh lợi 30A và 10B



Cám ơn các anh chị

ĐÃ CHÚ Ý LẮNG NGHE

31
